

Số: 606/2023/DS-PT

Ngày: 26/12/2023

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Nguyễn Tiên Dũng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Văn Hữu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 339/2023TLPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản” do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14419/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cụ Lại Kim S, sinh năm 1943; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: P nhà D, khu đô thị Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội, có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Lại Hữu T1, sinh năm 1945, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Lại Đức N, sinh năm 1982, vắng mặt.

3. Anh Lại Thế H, sinh năm 1986, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Người thừa kế của cụ Lại Thị X (chết năm 1981)

1.1. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1938, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

1.2. Ông Nguyễn Khắc L, sinh năm 1940, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

1.3. Ông Nguyễn Khắc H1, sinh năm 1941, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

1.4. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn S, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

1.5. Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người thừa kế của cụ Lại Hữu L1 (chết năm 1980)

2.1. Ông Lại Hữu H2, sinh 1949; địa chỉ: 3 P, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2. Ông Lại Hữu H3, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

2.3. Bà Lại Thị H4, sinh 1954; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

2.4. Ông Lại Hữu T2, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

2.5. Người thừa kế của cụ Lại Hữu T3

- Bà Đàm Thị N4, sinh năm 1962, vắng mặt và có ý kiến từ chối tham gia tố tụng.

- Chị Lại Thị Thùy D, sinh năm 1988, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Chị Lại Thị Ngọc T4, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Lại Thị Kim N5, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu A, thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

2.6. Ông Lại Hữu B, sinh năm 1962; địa chỉ: 2, đường B, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt và từ chối thừa kế.

3. Người thừa kế của cụ Lại Thị D1 (tức L2, chết năm 2021)

3.1. Ông Phạm Văn H5 (S1), sinh năm 1938, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Phạm Văn H6, sinh năm 1952, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Ông Phạm Văn H7 sinh năm 1963, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

3.4. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1965, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

3.5. Bà Phạm Thị T5, sinh năm 1967, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Người thừa kế của cụ Lại Hữu V (chết năm 2012)

4.1. Cụ Phi Thị L3 (vợ cụ L1), sinh năm 1928, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

4.2. Bà Lại Thị L4, sinh năm 1955, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

4.3. Bà Lại Thị Phương Đ, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ E, khu H, Thành phố V, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

4.4. Ông Lại Đăng D2, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

4.5. Bà Lại Thu H8, sinh năm 1966; địa chỉ: Khóm C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

4.6. Bà Lại Thị T6, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

4.7. Bà Lại Như H9, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

4.8. Ông Lại Hữu B1 (Lại T), sinh năm 1974; địa chỉ: Đồn Biên phòng G, huyện B, tỉnh Bình Phước, vắng mặt và ủy quyền cho ông D2 giải quyết mọi vấn đề.

4.9. Ông Lại Hữu Đ1 (Lại Tiến Đ2), sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

4.10. Bà Lại Thị L5 (Lại Thị Mai L6), sinh năm 1980; địa chỉ: Số F, xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Người thừa kế của cụ Lại Hữu T7 (Lại Ngọc T8, chết năm 2000).

5.1. Bà Lại Thị T9, sinh năm 1954; địa chỉ: Số F, ngõ A, tổ B, phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và đề nghị không tham gia tố tụng.

5.2. Ông Lại Hữu T10, sinh 1960; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

5.3. Bà Lại Thị K, sinh 1962; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

5.4. Ông Lại Hữu C (Lại Minh C1), sinh 1966; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

5.5. Ông Lại Ngọc C2, sinh 1970; địa chỉ: Đ, Công ty G1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

5.6. Bà Lại Thị Hồng Đ3, sinh 1975; địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Người thừa kế của ông Lại Hữu V1 (chết năm 1979)

6.1. Ông Lại Hữu K1, sinh 1960, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

6.2. Người thừa kế của ông Lại Hữu Q (chết 31/10/2019)

- Bà Hà Thị T11 (vợ ông Q), sinh năm 1966, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Lại Thế A, sinh năm 1990, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Chị Lại Thị Út T12, sinh năm 1994; địa chỉ: Huyện B, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

6.3. Ông Lại Quang T13, sinh năm 1965, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

6.4. Lại Hữu N6, sinh năm 1968, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

6.5. Ông Lại Hữu T14, sinh năm 1969; địa chỉ: Ngõ C, đường Đ, thị xã S, tỉnh Lào Cai, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

6.6. Ông Lại Hữu H10, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu G, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

6.7. Bà Lại Thị C3, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

6.8. Bà Lại Thị T15, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

6.9. Ông Lại Hữu C4, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Người quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp

7.1. Bà Nguyễn Thị T16 (vợ ông T1), sinh năm 1953, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

7.2. Chị Lê Thị Thu H11 (vợ Lại Đức N, con dâu ông T1), sinh năm 1982, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

7.3. Chị Hà Thị Xuân L7 (vợ Lại Thế H, con dâu ông T1), sinh năm 1986, vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

8. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Lại Kim S và người đại diện theo ủy quyền của ông S trình bày:

Cố Lại Hữu T17 (chết năm 1983) và cố Lê Thị D3 (chết năm 1972) có 08 con chung:

1. Lại Thị X, sinh năm 1919, chết năm 1981, có chồng là Nguyễn Khắc P chết năm 1991 và 05 con chung là Nguyễn Thị N1, Nguyễn Khắc L, Nguyễn Khắc H1, Nguyễn Thị N2 và Nguyễn Thị N3.

2. Lại Hữu L1, sinh năm 1921, chết năm 1980, có vợ là Vũ Thị C5 chết năm 2022 và 07 con chung là Lại Hữu T1, Lại Hữu H2, Lại Hữu H3, Lại Thị H4, Lại Hữu T2, Lại Hữu T3 (chết năm 2007, có vợ là Đàm Thị N7 và 03 con: Lại Thị Thùy D, Lại Thị Ngọc T4, Lại Thị Kim N5), Lại Hữu B2.

3. Lại Thị D1 (L2) sinh năm 1924, chết năm 2021, có chồng là Phạm Văn P1 chết năm 2022 và có 05 con chung là Phạm Văn H5 (Sót), Phạm Văn H6, Phạm Văn H7, Phạm Văn M và Phạm Thị Tuyết .

4. Lại Hữu V, sinh năm 1927, chết năm 2012, có vợ là Phi Thị L3 và 11 con chung là Lại Quang H12 (hy sinh chưa có vợ con), Lại Thị L4, Lại Thị Phương Đ, Lại Đăng D2, Lại Thu H8, Lại Thị T6, Lại Hữu K2 (chết lúc còn bé), Lại Như H9, Lại Hữu B1 (Lại T), Lại Hữu Đ1 (Lại Tiến Đ2), Lại Thị L6 (Lại Thị Mai L6).

5. Lại Thị C6 chết khi chưa lập gia đình

6. Lại Hữu T7 (Lại Ngọc T8), sinh năm 1933, chết năm 2000, có vợ là Nguyễn Thị C7 chết năm 1990 và 07 con chung là: Lại Thị T9, Lại Thị B3 (chết do bom đạn Mỹ), Lại Hữu T10, Lại Thị K, Lại Hữu C (Lại Minh C1), Lại Ngọc C2, Lại Thị Hồng Đ3.

7. Lại Hữu V1, sinh năm 1936, chết năm 1979, có vợ là Nguyễn Thị N8 đã chết và 09 con chung là Lại Hữu K1, Lại Hữu Q (chết năm 2019, có vợ là Hà Thị T11 và 02 con: Lại Tuấn A1, Lại Thị Út T12), Lại Quang T13, Lại Hữu N6 (bỏ đi không rõ địa chỉ), Lại Hữu T14, Lại Hữu H10, Lại Thị C3, Lại Thị T15, Lại Hữu C4.

8. Lại Kim S, sinh năm 1943

Năm 1920 cô T17 và cô Dậu ở Đ, Thái Bình lên định cư, sinh sống trên diện tích đất khai phá tại thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có phía Đ1 và Đ1 Bắc giáp đường làng, phía Tây và T giáp đất ông Lại Hữu T3, phía Tây giáp đất ông Lại Ngọc T8, phía Nam giáp đất ông bà ngoại Lê Văn U và Phi Thị T18 nay của bà Đỗ Thị N9 (Lại Hữu H13 - con bà N9 đang ở). Ngày 30/4/1962, cụ S nhập ngũ ở Thái Nguyên, ngày 20/02/1964 cụ S ra quân về ở với bố mẹ làm ruộng, cụ S có vỡ hoang thêm được khoảng 1000m² đất, tổng diện tích đất bao gồm cả đất cụ S khai hoang vỡ hóa là 3.179m², ngày 30/11/1964 cụ S đi công tác tại ngành đường sắt ở Hà Nội. Trước khi cô Thố chết, cô có di chúc miệng, không có người làm chứng, giao thừa đất trên cho cụ S là con út và cũng chưa có nhà đất riêng. Sau đó, cụ S cho ông Lại Hữu T3 (con ông Lại Hữu L1) mượn, ông T3 chuyển thì ông Lại Hữu T1 (con ông Lại Hữu L1) ở nhờ, việc cho mượn, ở nhờ hai bên nói miệng, không lập văn bản, không có người làm chứng. Tuy nhiên, sau đó ông T1 chiếm dụng nhà của cụ S, thời gian cụ S vắng nhà chính quyền địa phương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1. Từ năm 2003, cụ S biết việc cấp giấy chứng nhận cho ông T1, cụ S đã khiếu kiện nhiều nơi. Tại Quyết định số 1433/QĐ-CT ngày 21/5/2009 Ủy ban nhân dân tỉnh V giải quyết khiếu nại về đất đai của cụ Lại Kim S, có nội dung: Diện tích 3.179m² đất có nguồn gốc của bố mẹ để lại theo pháp luật (hiện ông Lại Hữu T1 đứng tên trong GCNQSDĐ). Có ý kiến cho rằng ông T1 đã sử dụng thừa đất ổn định, không có tranh chấp, bố mẹ cụ S để lại phần đất cho cụ Lại Hữu L1 là anh trai cụ S, bố ông T1. Theo cụ S, ý kiến đó là không hợp lý vì cụ L1 chết năm 1980, cô T17 chết năm 1983, cụ L1 là con thứ 2 đã được chia diện tích 4.632m² đất tại khu vực rừng cọ ở thôn K và làm ăn ổn định. Hiện cụ S có nhà ở khu vực rừng cọ thôn K, gần mồ mả của bố mẹ cụ S, nguồn gốc là của bà N7 (vợ ông T3) vừa bán, vừa cho cụ S. Cụ S nhận thấy tuy bố mẹ cụ S đã di chúc miệng cho cụ thừa đất nhưng không có người làm chứng nên khó được Tòa án chấp nhận.

Cụ S yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng thừa đất số 447, diện tích 866,6m² đứng tên ông Lại Hữu T1; huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng thừa đất số 448, diện tích 1.050m² đứng tên anh Lại Đức N; huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng thừa đất số 449, diện tích 1.050m² đứng tên anh Lại Thế H; phân chia di sản thừa kế của cô T17 và cô Dậu đối với diện tích trên theo quy định của pháp luật, cụ S xin được hưởng phần di sản là đất không có nhà và công trình trên đất.

Các đồng bị đơn trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế của cô Lại Hữu T17 và cô Lê Thị D3, thời điểm cô Thố, cô Dậu C8.

- Ông Lại Hữu T1:

Nguồn gốc diện đất tranh chấp do năm 1962 cô Thổ và cô Dậu phân chia cho bố mẹ ông là cụ Lại Hữu L1 và cụ Vũ Thị C5, vợ chồng ông được thừa kế từ bố mẹ ông, không liên quan đến cụ S, diện tích đất này chỉ là một phần đất của cô T17 và cô Dậu, cô T17 và cô D3 đã phân chia quyền sử dụng đất cho các con, ai phần người đó, không ai liên quan đến ai. Ngày 17/9/2002, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.179m² tại thửa số 29, tờ bản đồ số 01 ở thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình sử dụng, năm 2011 Nhà nước thu hồi 39m² đất để làm đường giao thông và đo đạc kiểm tra lại diện tích thửa đất là 2966,7m². Năm 2017 đã cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất, sau đó ông có tặng cho con là anh Lại Đức N và anh Lại Thế H mỗi người 1.050m², ông còn 866,7m². Quá trình sử dụng, vợ chồng ông xây dựng nhà, 01 sân gạch, bếp, chuồng trại, tường bao loan quanh đất và một số cây cối lâm lộc. Vợ chồng anh N, anh H xây dựng nhà, chuồng trại và một số cây cối lâm lộc.

Năm 1962 khi được cô T17 và cô Dậu chia cho đất, cụ L1 và cụ C5 chung sống cùng hai cô trên thửa đất, thời điểm này cụ S đi bộ đội đến năm 1964 cụ S về công tác tại ngành đường sắt ở Hà Nội, cụ S lấy vợ và có nhà ở số C, ngõ chợ K4, Thành phố Hà Nội. Năm 1965 ông đi bộ đội (đi B), năm 1976 ông về quê lấy vợ, lúc này cụ S đã có vợ con và nhà ở Hà Nội, sau đó ông ở cùng hai cô và bố mẹ ông. Khi các cô tuổi già bố mẹ ông, sau đó đến vợ chồng ông trực tiếp chăm sóc, cúng giỗ.

Từ năm 2005, cụ S tố cáo kiện tụng ông về đất đai qua nhiều cấp, nhiều cơ quan, kể cả cấp trung ương, đã được các cấp giải quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh V đã giải quyết khiếu nại về đất đai của cụ Lại Kim S tại Quyết định số 1433/QĐ-CT ngày 21/5/2009. Cụ S khởi kiện là trái với Nghị định số 84/2017/NĐ - CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ và không đúng với Quyết định số 1433/QĐ-CT ngày 21/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh V. Gia đình ông cũng đã tìm cách hòa giải, cho cụ S một phần diện tích đất mà vợ chồng ông chuyển cho vợ chồng em trai ông là Lại Hữu T3 và Đàm Thị N7, cụ S đã xây nhà ở. Ông xác định diện tích đất trên cô Thổ và cô Dậu cho bố mẹ ông, bố mẹ ông cho ông nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện.

- Anh Lại Đức N và anh Lại Thế H: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông T1.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Thống nhất về hàng thừa kế của cụ Lại Hữu T17 và cụ Lê Thị D3, thời điểm mở thừa kế của cụ T17 và cụ D3 như nguyên đơn và bị đơn trình bày.

- Người thừa kế của cụ Lại Thị X:

Cụ Lại Thị X chết năm 1981, có chồng là cụ Nguyễn Khắc P chết năm 1991 và có 05 con chung là Nguyễn Thị N1, Nguyễn Khắc L, Nguyễn Khắc H1, Nguyễn Thị N2 và Nguyễn Thị N3. Quá trình chung sống cô T17 và cô D3 có tạo lập được tài sản gì, hiện ai đang quản lý sử dụng không nắm bắt được. Không biết nguồn gốc diện tích đất tranh chấp, lý do cụ S khởi kiện, trên đất có tài sản gì, ai xây dựng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa, diện tích bao nhiêu, đứng tên ai, hai cô có để lại di chúc hay không, nội dung thế nào. Quan điểm: Bà N1 để lại phần thừa kế được hưởng cho ông T1;

ông L, ông H1 từ chối nhận thừa kế; bà N2 đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật; bà N3 không có ý kiến gì.

- Người thừa kế của cụ Lại Hữu L1:

Cụ Lại Hữu L1, sinh năm 1921, chết năm 1980 có vợ là cụ Vũ Thị C5 chết năm 2022 và có 07 con chung là Lại Hữu T1, Lại Hữu H2, Lại Hữu H3, Lại Thị H4, Lại Hữu T2, Lại Hữu T3 (chết năm 2007, có vợ là Đàm Thị N7 và có 03 con: Lại Thị Thùy D, Lại Thị Ngọc T4, Lại Thị Kim N5), Lại Hữu B2.

Lại Hữu H2: Quá trình chung sống có T17 và cố Dậu tạo dựng được đất ruộng và đất rừng, đất ruộng đã chia đều cho các con và sung vào Hợp tác xã nông nghiệp từ năm 1960. Riêng diện tích đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 01 ở thôn K đứng tên quyền sử dụng đất ông Lại Hữu T1 là đất hương hỏa. Ông Lại Hữu T1 được cụ Vũ Thị C5 ủy quyền đứng tên làm thủ tục, quá trình kê khai anh em ông có được ông T1 cho biết. Ông không có yêu cầu gì.

Ông Lại Hữu H3, ông Lại Hữu H14, ông Lại Hữu T2, người thừa kế của ông Lại Hữu T3 (Đàm Thị N4, Lại Thị Thùy D, Lại Thị Ngọc T4, Lại Thị Kim N5), ông Lại Hữu B: Quá trình chung sống có Thổ và cố D3 có tạo lập được tài sản gì không, hiện ở đâu do ai quản lý không biết, hai cố không để lại di chúc, không biết nguồn gốc, diện tích đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, đứng tên ai hay chưa. Quan điểm: Ông H3 từ chối nhận thừa kế; ông H14, ông T2, ông B2 để lại phần thừa kế được hưởng cho ông T1; bà N4, chị D, chị T4, chị N5 từ chối nhận thừa kế.

- Cụ Lại Thị L8 (Dện) và những người thừa kế của cụ L8:

Quá trình cố T17 và cố Dậu chung sống có tạo lập được diện tích 3.179m² tại thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi chết cố T17 và cố D3 có di chúc miệng để lại di sản trên cho cụ Lại Hữu L1 và con trai cả của ông L1 là ông Lại Hữu T1, khi đó có cụ cùng các anh chị em chứng kiến, di chúc không được lập thành văn bản. Cách đây khoảng 10 năm đến 15 năm, cụ S có đòi quyền thừa kế, anh chị em cụ cùng đại diện các cháu hợp giải quyết nhưng do lâu ngày cụ không nhớ. Nay không hiểu lý do gì, cụ S lại khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế, kể từ ngày bố mẹ cụ chết, cụ L1, sau đó đến con trai cụ L1 là ông T1 quản lý sử dụng di sản của bố mẹ cụ. Quá trình ông T1 sử dụng đất đi kê khai hay chưa, thời gian nào cụ không rõ, cụ để lại phần thừa kế được hưởng cho ông T1.

Tháng 5/2022 cụ L8 (Dện) chết, tháng 02/2022 chồng cụ L8 là cụ Phạm Văn P1 chết. Cụ L8 và cụ P1 có 05 con chung là Phạm Văn H5 (Sót), Phạm Văn H6, Phạm Văn H7, Phạm Văn M và Phạm Thị Tuyết. Những người thừa kế của cụ L8 thống nhất với trình bày, quan điểm của cụ L8, để lại phần thừa kế được hưởng cho ông T1.

- Người thừa kế của cụ Lại Hữu V:

Cụ Lại Hữu V chết năm 2012, có vợ là cụ Phi Thị L3 và 11 con chung là Lại Quang H12 (hy sinh chưa có vợ con), Lại Thị L4, Lại Thị Phương Đ, Lại Đăng D2, Lại Thu H8, Lại Thị T6, Lại Hữu K2 (chết lúc còn bé), Lại Như H9, Lại Hữu B1 (Lại T), Lại Hữu Đ4 (Lại Tiến Đ2), Lại Thị L6 (Lại Thị Mai L6).

Quá trình chung sống có T17 và cố D3 có tạo lập được tài sản gì không, ở đâu, do ai quản lý không biết, hai cố không để lại di chúc, không biết nguồn gốc,

diện tích, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hay chưa, ai đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Quan điểm: Bà L3 kể từ ngày bà kết hôn với cụ V đã thấy vợ chồng cụ L1 và cụ C5 ở đó, cụ L1 chết thì ông T1 và gia đình vẫn ở đó nuôi cụ C5, cụ để lại phần thừa kế được hưởng cho ông T1; bà L4, bà Đ, ông D2 từ chối nhận di sản thừa kế; bà H8 không có yêu cầu gì; bà T6 để lại phần thừa kế được hưởng cho ông T1; bà H9 đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật; ông B1 biết việc kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1, ủy quyền cho ông D2 đứng ra giải quyết; ông Đ2 từ chối nhận thừa kế; bà L6 để lại phần thừa kế được hưởng cho ông T1.

- Người thừa kế của cụ Lại Hữu T7:

Cụ Lại Hữu T7 (Lại Ngọc T8), sinh năm 1933, chết năm 2000, có vợ là cụ Nguyễn Thị C7 chết năm 1990 và 07 con chung là Lại Thị T9, Lại Thị B3 (chết do bom đạn Mỹ), Lại Hữu T10, Lại Thị K, Lại Hữu C (Lại Minh C1), Lại Ngọc C2, Lại Thị Hồng Đ3.

Quá trình chung sống cố T17 và cố Dậu tạo lập được diện tích 3.179m² tại thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đứng tên ông Lại Hữu T1. Diện tích đất được tạo lập từ thời gian nào không rõ, sau khi cố T17 và cố Dậu chết thì diện tích đất do vợ chồng cụ L1, cụ C5 cùng các con quản lý sử dụng, trên đất ông T1 xây dựng nhà và công trình, quá trình sử dụng ông T1 cải tạo, kê khai, nộp thuế như thế nào không rõ. Cố Thổ, cố D3 có để lại di chúc hay không không biết. Quan điểm: Bà K đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật; ông T10 không có yêu cầu gì; ông C1 từ chối nhận thừa kế; bà T9 không có yêu cầu gì; ông C2 đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật; bà Đ3 đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- Người thừa kế của cụ Lại Hữu V1:

Cụ Lại Hữu V1 chết năm 1979, có vợ là cụ Nguyễn Thị N8 (đã chết) và 09 người con: Lại Hữu K1 (Lại Trung K3), Lại Hữu Q (chết năm 2019, có vợ là Hà Thị T11 và 02 con: Lại Tuấn A1, Lại Thị Út T12), Lại Quang T13, Lại Hữu N6, Lại Hữu T14, Lại Hữu H10, Lại Thị C3, Lại Thị T15, Lại Hữu C4.

Quá trình chung sống cố T17 và cố D3 có tạo lập được tài sản gì không, ở đâu, ai đang quản lý sử dụng không biết, cố T17 và cố D3 chết không để lại di chúc. Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp mà hộ ông T1 đang quản lý sử dụng, hiện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hay chưa, đứng tên ai, trên đất có xây dựng gì không, ai là người xây dựng không biết. Quan điểm: Ông K3 từ chối nhận thừa kế; ông Q diện tích đất tranh chấp trước đây do bố mẹ ông T1 sử dụng, sau khi chết giao cho ông T1 sử dụng đến nay, từ chối nhận thừa kế; ông T13 từ chối nhận thừa kế; ông T14: Về nguồn gốc đất là của cố T17 và cố Dậu khai phá từ rất lâu, đến khi ông sinh ra thì các cố đã ở trên diện tích đất này, hai cố không để lại di chúc. Ông T1 tự đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của của hai cố là không đúng pháp luật, việc ông T1 kê khai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông không biết và ông T1 không thông báo. Không nhất trí để ông T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đây là tài sản chung của các con của hai cố, thống nhất yêu cầu khởi kiện của cụ S, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ S; Ông H10, bà C3, bà T15 và ông C4: Từ chối nhận thừa kế.

- Người quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị T16 là vợ ông Lại Hữu T1, chị Nguyễn Thị Thu H15 là vợ anh N và chị Hà Thị Xuân L7 là vợ anh H.

Bà Nguyễn Thị T16: Bà không nắm bắt được nguồn gốc diện tích đất tranh chấp. Năm 1976 bà kết hôn với ông T1, sau đó bà ở cùng bố mẹ ông T1 và cô Thổ trên diện tích đất. Thời gian đó, cụ S cư trú tại Hà Nội, năm 1980 cụ L7 chết, năm 1983 cô Thổ chết. Khoảng 10 năm lại đây, cụ S về cư trú tại thôn K và tranh chấp đất với ông T1. Khi cụ S về không có đất, vợ chồng bà tặng cho cụ S khoảng 700m² đất do vợ chồng bà khai phá, song không yêu cầu cụ S trả lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo ông T1 cho biết diện tích đất cụ S đang tranh chấp với ông T1 có diện tích 07 sào, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đứng tên ông T1, bà không biết rõ sổ thừa, sổ tờ bản đồ, vợ chồng bà đã tặng cho anh Lại Đức N và anh Lại Thế H mỗi người một phần. Trên diện tích đất tranh chấp, vợ chồng bà, anh H, anh N đã xây dựng nhà và ông trành. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ S vì diện tích đất là của vợ chồng bà.

Chị Hà Thị Xuân L7, chị Lê Thị Thu H11: Đề nghị giải quyết theo quan điểm ông T1, anh H, anh N.

- Ủy ban nhân dân huyện T:

Qua kiểm tra hồ sơ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất tranh chấp có sổ thừa 29, tờ bản đồ số 01, tên chủ sử dụng đất ông Lại Hữu T1, diện tích sử dụng là 3179m² (trong đó 400m² đất ở và 2779m² đất vườn), đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 17/9/2002 đứng tên ông Lại Hữu T1. Tuy nhiên, hồ sơ cấp đất năm 2002 hiện tại không có hồ sơ, tài liệu lưu giữ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T. Ngày 28/9/2011 tại Quyết định số 1191/QĐ-UBND về việc thu hồi đất công trình cải tạo, nâng cấp đường thôn K, xã T đã thu hồi 39m² của hộ ông Lại Hữu T1. Ngày 31/3/2017 cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng, thửa đất có diện tích 2.966,7m² (trong đó 400m² đất ở và 2.566,7m² đất vườn) tại thửa số 425, tờ bản đồ số 77 ở thôn K, xã T, huyện T cho hộ ông Lại Hữu T1. Hiện được tách làm 03 thửa: Thửa số 447, tờ bản đồ số 77 tại thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, diện tích 866,7m² (100m² đất thổ cư, 766,7m² đất vườn) đứng tên chủ sử dụng đất ông Lại Hữu T1; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 18/5/2017 thửa số 448, tờ bản đồ số 77 tại thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, diện tích 1.050m² (150m² đất thổ cư, 900m² đất vườn) đứng tên chủ sử dụng đất anh Lại Đức N; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 21/6/2017 được nhận tặng cho từ hộ ông Lại Hữu T1 thửa số 449, tờ bản đồ số 77 tại thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, diện tích 1.050m² (150m² đất thổ cư, 900m² đất vườn) đứng tên chủ sử dụng đất anh Lại Thế H; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 21/6/2017, được nhận tặng cho từ hộ ông Lại Hữu T1. Về nguồn gốc đất không nắm bắt được, tuy nhiên việc chuyển đổi, tặng cho đất thời điểm năm 2017 về thủ tục là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc:

Thực tế quản lý đất đai tại địa phương về nguồn gốc diện tích đất ông Lại Kim S yêu cầu chia di sản thừa kế là của cố Lại Hữu T17 và cố Lê Thị D3 khai hoang. Quá trình hai cố sử dụng thế nào, có kê khai hay làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thì địa phương không nắm bắt được. Sau thời điểm hai cố chết thì ông Lại Hữu T1 là cháu nội của hai cố là người trực tiếp quản lý sử dụng, ông T1 là người nộp các khoản thu quyền sử dụng đất và kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận. Việc làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm đó đảm bảo đúng quy định. Đến năm 2002 thì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lại Hữu T1. Hiện diện tích đất trên đã được cấp đổi và làm thủ tục tặng cho con trai ông T1, việc chuyển đổi, tặng cho về thủ tục đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đối với hồ sơ cấp đất năm 2002 cho hộ ông Lại Hữu T1 địa phương không lưu giữ hồ sơ, tài liệu gì nên không cung cấp cho Tòa án được. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Văn phòng Đ5 Chi nhánh T21, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V:

Hồ sơ thời điểm năm 2002 Văn phòng Đăng ký đất đai không nhận bàn giao của Ủy ban nhân dân huyện T nên không có lưu giữ về hồ sơ cấp đất thời điểm này. Về thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Lại Đức N và anh Lại Thế H là bảo đảm đúng thủ tục và đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DSST ngày 26/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Lại Kim S về việc đề nghị Tòa án: Tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 447, tờ bản đồ số 77, diện tích 866,6m² (100m² đất ở, 766,6m² đất trồng cây lâu năm) đứng tên ông Lại Hữu T1 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 18/5/2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 448, tờ bản đồ số 77, diện tích 1.050m² (150m² đất ở, 900m² đất trồng cây lâu năm) đứng tên anh Lại Đức N do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/6/2017 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 449, tờ bản đồ số 77, diện tích 1.050m² (150m² đất ở, 900m² đất trồng cây lâu năm) đứng tên anh Lại Thế H do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/6/2017; phân chia di sản thừa kế của cố Lại Hữu T17 và cố Lê Thị D3 theo quy định pháp luật, đề nghị được hưởng phần di sản là đất không có nhà và các công trình chuồng trại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/11/2022, nguyên đơn là cụ Lại Kim S có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do đất tranh chấp là của bố mẹ ông để lại, chưa tặng cho ai và không để lại di chúc. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lại Hữu T1 khi không có giấy tờ về thừa kế là trái pháp luật nên việc ông T1 tặng cho các con ông T1 cũng là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông là không đúng. Sau đó, tại bản giải trình kháng cáo và đơn tố cáo gửi Tòa án cấp phúc thẩm, cụ S đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Tại Quyết định số 1725/QĐ-VKS-DS ngày 09/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại do có vi phạm trong việc thu thập và đánh giá chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, cụ Lại Kim S và người đại diện theo ủy quyền của ông S giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày diện tích 2.966,7m² đất tranh chấp có nguồn gốc là của bố mẹ ông là cố Thố, cố Đậu. Khi hai cố còn sống không có văn bản tặng cho, chuyển nhượng diện tích đất trên và hai cố chết không để lại di chúc nên diện tích đất trên là di sản thừa kế của hai cố. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của UBND tỉnh V cũng xác định nguồn gốc đất là của hai cố và hướng dẫn nếu có tranh chấp thừa kế thì cụ S có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 khi không có văn bản thể hiện sự dịch chuyển quyền sử dụng đất từ hai cố hoặc các đồng thừa kế của hai cố là không đúng quy định của pháp luật dẫn đến việc ông T1 tặng cho và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 người con của ông T1 là anh Lại Đức N và anh Lại Thế H cũng là không đúng. Bản án sơ thẩm phát hành có nhiều nội dung khác với bản án khi tuyên tại Tòa án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, ý kiến trình bày của đương sự đã kết luận: Tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện các bên đương sự đều thừa nhận diện tích đất tranh chấp là của vợ chồng cố T17, cố Đậu để lại và không có tài liệu thể hiện cố T17, cố Đậu để lại diện tích đất này cho ai. Hai cố chết không để lại di chúc, thời hiệu khởi kiện thừa kế đối với di sản của hai cố vẫn còn. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng gia đình cụ L7 (bố ông T1) sống chung cùng 2 cụ, sau này là ông T1 sử dụng đất tranh chấp liên tục ngay tình và căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-CT ngày 21/5/2009 của UBND tỉnh V về việc giải quyết khiếu nại của ông S đã có hiệu lực pháp luật để xác định diện tích đất tranh chấp không phải là di sản thừa kế của cố Thố, cố D3 và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Lại Kim S là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và kháng cáo của cụ Lại Kim S, hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thời hạn và thủ tục kháng cáo: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và đơn kháng cáo của cụ Lại Kim S đảm bảo thời hạn, cụ S có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là ông Lại Hữu T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt có nội dung thể hiện vợ chồng ông và các con của ông đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án, nhưng vì lý do sức khỏe, công việc nên không thể có mặt tại phiên tòa và trình bày ý kiến liên quan đến kháng cáo của cụ S. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều vắng mặt và về cơ bản những người này đều có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ S, người đại diện theo ủy quyền của cụ S và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều đề nghị tiến hành xét xử.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thảo luận thấy đây là phiên tòa mở lần thứ 2, bị đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về cơ bản đều đã có ý kiến trong hồ sơ vụ án và đề nghị xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên quyết định tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Cố Lại Hữu T17 (chết năm 1983) và cô Lê Thị D3 (chết năm 1972) có 08 người con là cụ Lại Thị X (chết năm 1981, có chồng là cụ Nguyễn Khắc P và 05 người con là các ông, bà là Nguyễn Thị N1, Nguyễn Khắc L, Nguyễn Khắc H1, Nguyễn Thị N3 và Nguyễn Thị N2); cụ Lại Hữu L1 [chết năm 1980, có vợ là cụ Vũ Thị C5 và 07 người con là các ông, bà Lại Hữu H2, Lại Hữu H3, Lại Hữu T2, Lại Hữu T3 (chết năm 2007, có vợ là cụ Đàm Thị N7 và 03 con là chị Lại Thị Kim N5, Lại Thị Ngọc T4, Lại Thùy D), Lại Thị H4, Lại Hữu T1 và Lại Hữu B; Lại Hữu V (chết năm 2012, có vợ là cụ Phi Thị L3 và 011 người con trong đó có 02 người con chết khi còn nhỏ, còn 09 người con là các ông, bà Lại Thị Phương Đ, Lại T, Lại Đăng D2, Lại Thị T6, Lại Hữu Đ4, Lại Như H9, Lại Thị L4, Lại Thu H16, Lại Thị L6); Lại Hữu T19 (chết năm 2000, có vợ là cụ Nguyễn Thị C7 và có 07 người con là các ông, bà Lại Thị Hồng Đ3, Lại Ngọc C9, Lại Thị T9, Lại Minh C1, Lại Hữu T10, Lại Thị K và Lại Thị B3 (chết khi còn nhỏ, chưa kết hôn); Lại Hữu V1 (chết năm 1979, có vợ là cụ Nguyễn Thị N8 (chết), có 09 người con là các ông, bà Lại Trung K3, Lại Hữu C4, Lại Thị T15, Lại Thị C3, Lại Hữu H10, Lại Quang T13, Lại Hữu Q (chết 31/10/2019, có vợ là bà Hà Thị T11 và 02 người con là anh Lại Thế A và chị Lại Thị Út T12), Lại Hữu T14 và Lại Hữu N6); Lại Thị D1 (L8) chết năm 2021 (có chồng là cụ Phạm Văn P1 chết năm 2022 và 05 người con là ông Phạm Văn H5, Phạm Văn H6, Phạm Văn H7, Phạm Văn M và Phạm Thị T5), cụ Lại Thị C6 (chết khi chưa lập gia đình); cụ Lại Kim S.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận diện tích 3.179m² đất (gồm 400m² đất T và 2.779m² đất vườn) thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 1 tại thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc có nguồn gốc là của vợ chồng cố T17, cố Dậu khai phá và sinh sống trên đất. UBND xã T cũng xác nhận nguồn gốc đất nêu trên là của cố T17 và cố D3. Sau khi các con trưởng thành, kết hôn và ra ở riêng thì vợ chồng cụ L1, cụ C5 (là con trai lớn) sống chung cùng với 2 cố.

Cụ S cho rằng trước khi chết, cố Thổ có di chúc miệng giao nhà, đất của hai cố cho cụ vì cụ là con út, chưa có nhà, đất riêng. Sau đó, cụ S cho cháu là

ông T3 và ông T1 (con cụ L1) ở nhờ rồi chiếm luôn đất của cụ; trong khi đó ông T1 cho rằng diện tích đất trên là sự chuyển tiếp từ ông bà nội cho bố mẹ ông là vợ chồng cụ L1, cụ C5 đến vợ chồng ông quản lý, sử dụng đến nay.

Hồ sơ vụ án thể hiện năm 2003 khi cụ S biết hộ ông T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của bố mẹ cụ để lại nên cụ S đã có đơn khiếu nại yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T1. Tại Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 21/5/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh V giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai của cụ S đã xác định cụ S yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T1 là không có căn cứ và hướng dẫn cụ S có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 3.179m² đất của bố mẹ để lại (hiện ông T1 đứng tên) theo pháp luật.

Như vậy, căn cứ lời khai của các bên đương sự, biên bản xác minh tại UBND xã T về nguồn gốc đất; Quyết định số 1433/QĐ-CT ngày 21/5/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh V có cơ sở xác định nguồn gốc diện tích 3.179m² đất (diện tích thực tế hiện nay là 2.966,7m²) tại thửa số 29, tờ bản đồ số 1 tại thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc của vợ chồng cố T17 và cố D3. Cụ T17 chết ngày 10/01/1983 và cụ D3 chết năm 1972 đều không để lại di chúc, căn cứ quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, Án lệ số 26 và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990. Ngày 19/3/2018, cụ S có đơn khởi kiện chia thừa kế tài sản của cố T17 và cố D3 để lại là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

Ngày 17/9/2002, UBND huyện T (nay là UBND huyện T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lại Kim T20 đối với thửa đất số 29, diện tích 3.179m² đất đang tranh chấp nêu trên khi chưa có văn bản chuyển dịch tài sản của hai cố hoặc các đồng thừa kế của hai cố cho ông T20 quyền sử dụng thửa đất nêu trên là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đồng thừa kế khác.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng gia đình cụ L1 (bố ông T20), sau này là gia đình ông T20 sử dụng ổn định, liên tục ngay tình trên diện tích đất này và căn cứ kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh V giải quyết khiếu nại của ông S liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T20 để xác định diện tích 3.179m² đất (diện tích thực tế hiện nay là 2.966,7m²) tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 1 tại thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc không phải là di sản thừa kế của vợ chồng cố Lại Hữu T17 và cố Lê Thị D3, từ đó không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S là không đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện ông Lại Hữu Q (là thừa kế của cụ V1) đã có ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án, nhưng ông Q chết trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa bổ sung 02 con của ông Q là anh Lại Thế A và chị Lại Thị Út T12 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ lấy lời khai của bà Hà Thị T11 (là vợ ông Q) mà không yêu cầu các con của ông Q viết bản tự khai hoặc lấy lời khai của những người này để xác định xem ý kiến, quan

điểm của các con ông Q có thống nhất với ý kiến, lời khai trước đây của ông Q hay có ý kiến khác là thiếu sót và chưa đầy đủ.

Do Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật không đúng như đã phân tích nêu trên mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và kháng cáo của cụ S đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự do hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại và cụ S là người cao tuổi nên cụ S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 và khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội.

Chấp nhận kháng nghị số 1725/QĐ-VKS-KN ngày 09/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; chấp nhận kháng cáo của cụ Lại Kim S.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 26/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về vụ án “Tranh chấp thừa kế tài sản” giữa nguyên đơn là cụ Lại Kim S với bị đơn là ông Lại Hữu T1, anh Lại Đức N, anh Lại Thế H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được xác định theo bản án sơ thẩm.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Cụ Lại Kim S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự trong vụ án được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

